

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN : NGỮ VĂN LỚP 8
Năm học 2024 – 2025
Ngày kiểm tra: 24 /12/ 2024

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- Đọc hiểu: biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm kỹ năng đọc hiểu các thể loại thơ trào phúng
- Tiếng Việt: Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: các biện pháp tu từ, đại từ, nghĩa của từ
- Viết: Thực hành đoạn văn ngắn theo yêu cầu về độ dài; viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống

b. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: biết sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với vấn đề nghị luận
- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập và phân tích ngữ liệu, chọn phương án tối ưu và biện giải về sự chọn lựa.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, học, làm bài tập.
- Trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học được giao.
- Trung thực: Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân HS thực hiện, không sao chép hay nhìn bài của bạn.

II. BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

TT	Năng lực	Mạch nội dung	Cấp độ tư duy			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Tỉ lệ	Tỉ lệ	Tỉ lệ	
I	ĐỌC – HIỂU	VB thơ trào phúng	4TL	2TL	1TL	60%
			40%	20%	40%	
II	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	1*	1*	1*	40%

		(con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).				
	Tổng		40%	20%	40%	100%

III. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	ĐỌC HIỂU	Thơ trào phúng	<p>- Nhận biết: Nhận biết được một số đặc điểm của thơ trào phúng thông qua thể thơ Đường luật như bố cục, niêm luật, vần, nhịp. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của thơ trào phúng, phân tích được một số căn cứ để xác định được chủ đề. - Nhận biết về tự tượng hình/ từ tượng thanh/ từ Hán Việt/ thành ngữ...</p>	4TL	2TL	1TL	
			<p>Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật thể hiện trong bài thơ. - Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ, hình ảnh, nhan đề và các biện pháp tu từ được sử dụng trong thơ trào phúng. - Nêu được cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. Vận dụng: Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân do tác phẩm gợi ra. Vận dụng cao: - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được</p>				

			thể hiện trong bài thơ để lí giải ý nghĩa, thông điệp của tác phẩm. - Đánh giá được nét độc đáo của tác phẩm.				
II	VIẾT	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống(con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.	1*	1*	1*	
	Tổng			4TL	2TL	1TL	
	Tỉ lệ %			40%	20%	40%	100%
	Tỉ lệ chung			60		40%	100%

IV. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI

ĐỀ 1

Môn: NGỮ VĂN 8

Ngày kiểm tra: 24/12/2024

(Đề có 01 trang)

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NĂM MỚI CHÚC NHAU

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau:
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cối,
Thiên hạ bao nhiêu đũa giã trâu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu:
Trăm, nghìn, vạn mớ để vào đâu?
Phen này, ắt hẳn gà ăn bạc,
Đồng rưng, đồng rôi, lọ phải cầu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang:
Đứa thời mua tước, đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con:
Sinh năm đẻ bảy được vuông tròn.
Phố phường chật hẹp, người đông đúc,
Bồng bế nhau lên nó ở non.

-Trần Tế Xương -

Thực hiện các yêu cầu :

1. (1.0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì? Liệt kê những lời chúc của nhân vật “nó” trong văn bản?

2. (1.0 điểm) Em hiểu thế nào về hai câu thơ sau :

*"Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu"*

3. (1.5 điểm) Phân tích hiệu quả của việc sử dụng cặp đại từ "nó - ông" trong bài thơ.

4. (1.0 điểm) Lời chúc năm mới trong bài thơ thể hiện suy nghĩ gì của tác giả ? nêu thông điệp rút ra từ văn bản?

5. (1.5 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích một hình ảnh có tính trào phúng mà em ấn tượng nhất trong bài thơ.

II. PHẦN VIẾT (4. 0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).

.....**Hết**.....

ĐỀ 1

Môn: NGŨ VĂN 8

Ngày kiểm tra: 24/12/2024

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
		ĐỌC HIỂU	6.0
I	1 (1 đ)	<p><i>HS trả lời được :</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - PTBD chính : Biểu cảm - Liệt kê những lời chúc của nhân vật “nó” trong văn bản : trăm tuổi bạc đầu, mua tước, mua quan, cái sự giàu, lắm con. 	0.5 0.5
	2 (1 đ)	<ul style="list-style-type: none"> - <i>HS có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo được nội dung:</i> - Sử dụng từ "râu" sau lời chúc làm mất đi vẻ trang trọng, thành kính mà thay vào đó là sự chế nhạo, châm biếm sự kém sang của bọn quan lại đương thời bởi người ta chúc đầu bạc chứ chẳng ai chúc râu bạc bao giờ. => Tác giả thể hiện giọng tự sự đầy giễu cợt, khinh thường. 	1
	3 (1.5 đ)	<p>HS phân tích được hiệu quả của việc sử dụng cặp đại từ : nó – ông :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nó là đại từ chỉ để gọi một lớp người có vị trí thấp hơn mình, vừa xa cách, vừa mang tính miệt thị coi thường. => Xung ông một cách trịnh thượng, hạ những kẻ nhỏ nhãng xuống hàng <i>đứa, nó</i>, Tú Xương trực tiếp bộc lộ một cái nhìn khinh rẻ, căm tức của tác giả đối với đám quan lại thời xưa. 	0.5 1.0
	4 (1 đ)	<p><i>HS trình bày nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo suy nghĩ sau của tác giả:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Châm biếm, giễu cợt, lối sóng ló lảng, kịch côm, tham lam, đểu giả của bọn quan lại thời đó. Chúng đang nhắm mắt làm ngơ trước cảnh đời nô lệ, dân chúng lầm than, Tú Xương giống một tiếng chuông cảnh tỉnh, phê phán. - Thông điệp : - Luôn giữ gìn nhân cách của mình trong mọi hoàn cảnh - Có thái độ, quan điểm rõ ràng trước những tiêu cực trong xã hội - Có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc... 	0.5 0.5
	5 (1.5 đ)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: đoạn văn 7-9 câu - Nội dung: Học sinh nêu cảm nhận về một hình ảnh thơ trào phúng mà mình ấn tượng nhất, đảm bảo về nội dung và nghệ thuật, thể hiện thái độ, tình cảm của bản thân về điều này. 	1.5
II		VIẾT	4.0
	a	<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i></p> <p>Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0.25
	b	<p><i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Nghị luận về một vấn đề trong đời sống</p>	0.25

	c	<p><i>HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng, bảo đảm các yêu cầu sau:</i></p> <p>1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận(Vấn đề đặt ra trong cuộc sống)</p> <p>2. Thân bài: Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao lại có ý kiến như vậy ? (Lí lẽ, bằng chứng) - Ý kiến đó đúng đắn như thế nào ?(Lí lẽ, dẫn chứng) - Liên hệ mở rộng vấn đề.(Lí lẽ, bằng chứng) <p>3. Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề nghị luận và phương hướng hành động.</p>	<p>3.0</p> <p>0.5</p> <p>2.0</p> <p>0.5</p>
	d	<p><i>Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>-Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt</p>	0.25
	e	<p><i>Sáng tạo</i></p> <p>-Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0.25